

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2018

Số: 271/QĐ-QLKTTW

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 117/2009/QĐ-TTg ngày 29/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 10/2005/QĐ-TTg ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 2/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao chuyên ngành đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa tuyển sinh nghiên cứu sinh từ năm 2018.

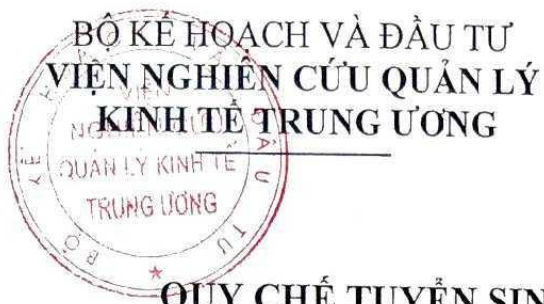
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, Tổ trưởng bộ môn Quản lý kinh tế, Kinh tế phát triển, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TVQL.

VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Đình Cung



QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

*(ban hành theo Quyết định số 271 /QĐ-QLKTTW, ngày 11 tháng 4 năm 2018
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, bao gồm tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án và đánh giá luận án; công nhận học vị và cấp bằng; nghĩa vụ và quyền lợi của giảng viên và nghiên cứu sinh; thanh tra, kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

3. Giải thích từ ngữ

- *Chuyên ngành đào tạo* là một tập hợp những kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu của ngành đào tạo.

- *Chuẩn đầu ra* của chương trình đào tạo tiến sĩ là yêu cầu về chất lượng luận án, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực mà người học phải đạt được sau khi kết thúc chương trình đào tạo.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo tiến sĩ có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển.

SA

Điều 3. Cơ chế quản lý và tổ chức đào tạo trong Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

1. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chỉ đạo, điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác; phát huy lợi thế chuyên môn; phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung phục vụ đào tạo trong toàn Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

2. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có nhiệm vụ tổ chức và quản lý đào tạo các chuyên ngành theo danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước giao cho Viện đào tạo; thực hiện xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo mới có tính liên ngành cao.

3. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo triển khai hợp tác với các đơn vị trong Viện, các tổ chức, doanh nghiệp - các đơn vị sử dụng nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên, gắn đào tạo với nghiên cứu thực tiễn để đáp ứng yêu cầu xã hội.

5. Hàng năm, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo báo cáo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương về tình hình tổ chức, quản lý và kết quả đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 4. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng

1. Các tiêu chí đánh giá chất lượng luận án phải từng bước tiếp cận chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là công bố các kết quả chính của luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín.

2. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lý phải hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Đào tạo nguồn nhân lực gắn liền với nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế. Gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo nghiên cứu sinh với các nhóm nghiên cứu, với hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 5. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Viện tổ chức 1 đến 2 lần tuyển sinh một năm.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Chuyên ngành đào tạo:

a) Kinh tế phát triển - Mã số: 9 31 01 05

b) Quản lý kinh tế - Mã số: 9 34 04 10

Điều 6. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

1. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
2. Có đủ sức khỏe để học tập.
3. Có bằng thạc sĩ phù hợp (đúng hoặc gần) với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Hai ngành/chuyên ngành đào tạo được coi là ngành/chuyên ngành đúng là các ngành/chuyên ngành cùng tên trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; các ngành/chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển gồm các chuyên ngành còn lại (ngoài chuyên ngành đúng) của ngành Kinh tế học và của khối ngành Kinh doanh và quản lý.

Trường hợp các bằng thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành không có tên trong Danh mục này nhưng có chuyên môn gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển sẽ được Hội đồng tuyển sinh của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xem xét cụ thể khi người dự tuyển nộp hồ sơ.

Trường hợp người dự tuyển có bằng thạc sĩ phù hợp nhưng không thuộc chuyên ngành đúng (trùng tên) với chuyên ngành đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh thì sau khi trúng tuyển sẽ phải học bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

4. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

5. Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện.

6. Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh

vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; tổng quan giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất người hướng dẫn.

7. Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm người hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu.

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

8. Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 do một tổ chức khảo thí quốc tế cấp và được Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ theo yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn

đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

9. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo.

10. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

11. Hồ sơ tuyển sinh

a) Đơn đăng ký dự tuyển;

b) Sơ yếu lý lịch cá nhân;

c) Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định tại Điều này; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

d) Đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung như Khoản 6 Điều này;

đ) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học theo quy định tại Khoản 7 Điều này;

e) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

g) 06 ảnh 3x4 (nền trắng) và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ liên hệ.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Hàng năm Viện thực hiện tuyển sinh nghiên cứu sinh từ 1 đến 2 lần/năm. Viện xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Viện, trang web của Viện, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ: duatin@moet.edu.vn) và các phương tiện thông tin đại chúng khác với các nội dung, trong đó nêu rõ:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành đào tạo;

c) Mẫu hồ sơ và thời gian nhận hồ sơ; lệ phí dự tuyển;

d) Kế hoạch tuyển sinh, thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả tuyển chọn và thời gian nhập học;

e) Danh mục các chuyên ngành trình độ thạc sĩ được xét tuyển đối với từng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

g) Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 36 của Quy chế này;

h) Học phí và các thông tin về tài chính khác (nếu có);

i) Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh;

k) Các thông tin về liên hệ, hỗ trợ, tư vấn,...

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Hàng năm, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của Viện; Hội đồng tuyển sinh là đầu mối để thực thi việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về công tác tuyển sinh và giải quyết các vấn đề phát sinh.

Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các Ủy viên.

a) Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền;

b) Ủy viên thường trực: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo;

c) Các Ủy viên: Thành viên của Tổ bộ môn chuyên ngành

Những người tham gia dự tuyển và những người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; triển khai tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển (theo phân cấp nhiệm vụ); tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về xét tuyển nghiên cứu sinh theo quy định tại Chương II của Quy chế này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng toàn bộ các công tác liên quan đến xét tuyển theo quy định tại Chương II của Quy chế này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh đáp ứng các tiêu chuẩn đầu vào, có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu theo kế hoạch đào tạo và các hướng nghiên cứu của đơn vị đào tạo;

c) Quyết định thành lập các bộ phận giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các tiểu ban chuyên môn. Các bộ phận này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

4. Hội đồng tuyển sinh, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh được sử dụng con dấu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương trong quá trình tuyển sinh.

Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các Ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và gửi tới các tiểu ban chuyên môn;

c) Tiếp nhận, tổng hợp kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d) Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao;

e) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 10. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Tổ trưởng bộ môn đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh để đề nghị Chủ tịch Hội

đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh bao gồm trưởng tiểu ban, thư ký tiểu ban và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký quyết định thành lập, gồm ít nhất 3 người có trình độ tối thiểu là tiến sĩ có đủ thâm niên 36 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận học vị tiến sĩ tính đến ngày tham gia tiểu ban chuyên môn, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học, giảng viên trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo. Khuyến khích việc mời các nhà khoa học có đủ điều kiện và đồng ý nhận hướng dẫn luận án tham gia tiểu ban chuyên môn đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu của thí sinh.

Điều 11. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà Tổ bộ môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn (nếu có). Các thành viên tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: năng lực kiến thức chuyên môn, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, tính khả thi của đề tài và kế hoạch nghiên cứu, những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá cho điểm thí sinh về các nội dung này.

2. Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển (kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu thông qua sự hiểu biết của thí sinh về lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, dự kiến kết quả nghiên cứu và kế hoạch học tập được trình bày trong đề cương nghiên cứu sinh; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu và phần trình bày, trả lời các câu hỏi của thí sinh);

3. Ứng viên dự tuyển nghiên cứu sinh phải trình hồ sơ và báo cáo đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu sinh, cho điểm đánh giá theo Hướng dẫn của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương với thang điểm tối đa là 100 và gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh. Người đạt yêu cầu được xét tuyển phải có điểm đánh

giá hồ sơ và trình bày đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt 50/100, trong đó phần hồ sơ phải đạt từ 30 điểm trở lên và phần trình bày, vấn đáp đề cương nghiên cứu phải đạt 20 điểm trở lên.

4. Căn cứ các yêu cầu và thang điểm đánh giá, tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

5. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định, thông báo cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Viện trưởng xem xét và phê duyệt.

Điều 12. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ điểm trúng tuyển đã được Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phê duyệt, Ban Thư ký công bố danh sách thí sinh trúng tuyển, gửi giấy gọi nhập học và Quyết định trúng tuyển đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh nhập học chính thức, Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải ghi rõ thời hạn học tập, chuyên ngành đào tạo.

Điều 13. Xét tuyển nghiên cứu sinh đối với người nước ngoài

Việc xét tuyển người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được thực hiện theo quy định riêng.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 14. Chuyên ngành và chương trình đào tạo

1. Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ được xây dựng trên cơ sở Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chuyên ngành đào tạo tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương gồm: Chuyên ngành Kinh tế phát triển và chuyên ngành Quản lý kinh tế.

2. Chương trình đào tạo tiến sĩ thể hiện mục tiêu đào tạo tiến sĩ; quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất đạo đức; phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả đào tạo. Một chương trình đào tạo chỉ thuộc về một chuyên ngành cụ thể.

Điều 15. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo

1. Có minh chứng thể hiện chuyên ngành có nhu cầu xã hội cao, hoặc dự báo sẽ có vai trò khoa học quan trọng trong tương lai gần.

2. Phù hợp với định hướng phát triển khoa học và đào tạo của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, thế mạnh của Tổ bộ môn; hoặc có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

3. Xây dựng chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức, chuẩn đầu ra tối thiểu phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cấu trúc, khối lượng, chuẩn đầu ra của một chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có của Viện; thu hút và khai thác được nguồn lực của các cơ sở sử dụng nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp, các nhà tài trợ, nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác.

5. Phát huy được hiệu quả hợp tác quốc tế để hoàn thiện chương trình đào tạo và phương thức tổ chức, quản lý đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế về nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo.

6. Khuyến khích sự tham gia của các học giả quốc tế trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 16. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Khi xây dựng chương trình, Hội đồng đào tạo và Tổ bộ môn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Phải căn cứ vào chuyên ngành đào tạo đã được phê duyệt, năng lực, điều kiện, định hướng phát triển đối với chuyên ngành đào tạo của Viện; nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ.

2. Xác định rõ mục tiêu, nội dung đào tạo, chuẩn đầu ra của mỗi chuyên ngành đào tạo, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận án phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu của từng phần trong chương trình đào tạo theo quy định.

4. Nội dung chương trình hướng tới mục tiêu và cấu thành chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho nghiên cứu sinh được bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành đào tạo.

5. Tham khảo, so sánh với các chương trình đào tạo tương tự của trường đại học tiên tiến trong bảng xếp hạng 500 các trường đại học hàng đầu của các bảng xếp hạng có uy tín trên thế giới về cơ sở đào tạo hoặc lĩnh vực đào tạo.

6. Các yếu tố khả thi về nhân lực, học liệu, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác cho việc triển khai chương trình.

7. Chương trình đào tạo tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phải được xây dựng tối thiểu đảm bảo đạt chuẩn chất lượng quốc gia, đáp ứng các yêu cầu kiểm định chất lượng của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Điều 17. Cấu trúc của chương trình đào tạo tiến sĩ

Chương trình đào tạo tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương gồm tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ, bao gồm các phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

- Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: Các nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở bậc thạc sĩ, Viện trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết cho chuyên ngành đào tạo; trong một số trường hợp, Viện trưởng có thể yêu cầu nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng học bổ sung những học phần cần thiết giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do Tổ bộ môn và người hướng dẫn nghiên cứu sinh đề nghị. Kinh phí học bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả cho đơn vị đào tạo theo quy định.

- Người hướng dẫn độc lập hoặc người hướng dẫn chính có thể đề nghị Viện trưởng quyết định bổ sung thêm một số học phần ngoài chương trình đào

tạo, cần thiết cho luận án của nghiên cứu sinh trong thời hạn tối đa 6 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu 3 học phần bắt buộc với khối lượng tối thiểu 9 tín chỉ và 2 học phần tự chọn với khối lượng tối thiểu 6 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ. Nghiên cứu sinh chọn các học phần tự chọn phải có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn chính.

- Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng tối thiểu 9 tín chỉ.

- Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá về nội dung, phương pháp, kết quả chủ yếu của các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết và xác định rõ phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của Luận án.

- Viện trưởng quyết định ban hành các chương trình đào tạo tiến sĩ của Viện theo từng chuyên ngành đào tạo, trong đó quy định rõ: Danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu đối với mỗi học phần; cách báo cáo, cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu đối với các báo cáo chuyên đề và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh; yêu cầu đối với luận án và chuẩn đầu ra của nghiên cứu sinh.

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

- Nghiên cứu khoa học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh. Văn phòng Viện và Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có trách nhiệm tạo điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất để nghiên cứu sinh tiến hành các nghiên cứu cần thiết cho luận án. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo tính

trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

d) Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

Tham gia sinh hoạt chuyên môn và công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo phối hợp với các Tổ bộ môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng nghiên cứu sinh báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do Trung tâm tổ chức trong từng năm học. Nghiên cứu sinh phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tổ chức, quy định.

đ) Phần 5: Luận án tiến sĩ (sau đây gọi tắt là luận án)

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ. Luận án được tính thời lượng từ 45-60 tín chỉ trong chương trình đào tạo.

Điều 18. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra quy định về chất lượng luận án, nội dung kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của nghiên cứu sinh và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng chuyên ngành đào tạo.

2. Xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo để công khai với xã hội và nghiên cứu sinh về chuẩn mực phẩm chất, năng lực, các kiến thức, kỹ năng được trang bị và lấy đó làm cơ sở xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra - đánh giá; tạo cơ hội và tăng cường hợp tác, gắn kết trong đào tạo và sử dụng nhân lực giữa đơn vị đào tạo với cơ sở sử dụng nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra bao gồm các nội dung sau:

a) Yêu cầu về chất lượng luận án thể hiện qua việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn, đã công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỷ

yếu hội thảo quốc tế có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

b) Yêu cầu về kiến thức chuyên môn;

c) Yêu cầu về năng lực nghiên cứu;

d) Yêu cầu về kỹ năng:

- Kỹ năng nghề nghiệp;

- Kỹ năng bổ trợ;

e) Yêu cầu về phẩm chất:

- Trách nhiệm công dân;

- Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;

g) Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp;

h) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;

i) Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

4. Căn cứ các quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Quy chế này, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo phối hợp với các Tổ bộ môn thực hiện rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế phát triển và chuyên ngành Quản lý kinh tế (ban hành theo Quyết định số 1142/QĐ-QLKTTW và Quyết định số 1143/QĐ-QLKTTW ngày 31/12/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) trình Viện trưởng ban hành Chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung. Trong trường hợp cần thiết Viện trưởng yêu cầu Hội đồng đào tạo của Viện họp thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung trước khi quyết định ban hành.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 19. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức theo hình thức giáo dục chính quy, tập trung; nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng học tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương là tiếng Việt.

3. Thời gian đào tạo chuẩn trình độ tiến sĩ (tính từ thời điểm có quyết định công nhận nghiên cứu sinh tới thời điểm được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua) đối với người có đã bằng thạc sĩ là 3 năm.

4. Nghiên cứu sinh được kéo dài thời gian đào tạo tối đa là 2 năm (24 tháng) khi có lý do chính đáng và nghiên cứu sinh phải đóng phí theo quy định của Viện. Hết thời gian đào tạo kể cả thời gian được kéo dài, nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo sẽ bị buộc thôi học.

5. Trường hợp nghiên cứu sinh có kết quả nghiên cứu xuất sắc và đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo có thể được tổ chức bảo vệ luận án sớm.

Điều 20. Tổ chức đào tạo

1. Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành, có sự phục vụ của Văn phòng Viện, Trung tâm Thông tin Tư liệu và các đơn vị liên quan.

2. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, Viện sẽ gửi nghiên cứu sinh theo học ở cơ sở đào tạo khác có học phần trong chương trình đào tạo hoặc tương đương. Các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Viện.

3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo tiến sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của nghiên cứu sinh.

4. Đầu khóa học, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo phải thông báo cho nghiên cứu sinh về kế hoạch học tập; chương trình đào tạo toàn khóa; đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch kiểm tra; quy định về nội dung, hình thức và cách đánh giá chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan; điểm yêu cầu tối thiểu; quy trình, thủ tục bảo vệ luận án,... và các quy định khác có liên quan đến khóa học.

5. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có trách nhiệm đảm bảo cơ sở vật chất để tạo điều kiện nghiên cứu cho nghiên cứu sinh phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.

Điều 21. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

a) Lớp khóa học được tổ chức cho những nghiên cứu sinh thuộc cùng một chuyên ngành đào tạo trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học nhằm quản lý nghiên cứu sinh, duy trì các hoạt động đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao trong quá trình học tập. Trường hợp người học được phép nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tập thì được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã nghiên cứu sinh đã được cấp;

b) Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo bố trí cán bộ phụ trách để tổ chức và quản lý lớp khóa học. Cán bộ phụ trách lập kế hoạch học tập cho từng học kỳ và kế hoạch cho toàn khóa học, tổ chức các hoạt động khác liên quan tới lớp học;

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được tổ chức cho những nghiên cứu sinh đăng kí học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần;

b) Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tổ chức giảng dạy các học phần thuộc thẩm quyền quản lý theo lớp học phần;

c) Giảng viên của học phần trực tiếp phụ trách lớp học phần;

Điều 22. Đăng kí và thực hiện học tập, nghiên cứu khoa học

1. Đăng kí học các học phần

a) Nghiên cứu sinh phải đăng kí học tập và hoàn thành các học phần bổ sung và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ trong năm học đầu tiên của khóa học.

2. Đăng kí thực hiện chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và đề tài luận án

a) Chuyên đề tiến sĩ là công trình nghiên cứu giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 9 tín chỉ, mỗi chuyên đề 3 tín chỉ.

* Yêu cầu về chuyên đề tiến sĩ:

- Tên chuyên đề do nghiên cứu sinh tự xác định phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án dưới sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn; Tổ trưởng Tổ

bộ môn thông qua tên chuyên đề; Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo xác nhận đăng ký tên chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh, báo cáo Viện trưởng và giao cho Người hướng dẫn của nghiên cứu sinh hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện chuyên đề.

- Hình thức chuyên đề được trình bày như một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, gồm: lời mở đầu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, các giải pháp đề xuất và kết luận.

Mỗi chuyên đề có từ 40 - 50 trang A4, đóng bìa mềm, ngoài nội dung chính có mục lục các nội dung, phụ lục (nếu có) và tài liệu tham khảo; trình bày các tiểu mục, tên bảng biểu, đồ thị và định dạng, cỡ chữ theo quy định về trình bày luận án tiến sĩ.

- Kết quả nghiên cứu chuyên đề được trình bày trước Tiểu ban đánh giá chuyên đề do Viện trưởng quyết định thành lập.

b) Tiểu luận tổng quan

- Tên Tiểu luận tổng quan do nghiên cứu sinh tự xác định phù hợp với vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án, được đăng ký cùng với các chuyên đề tiến sĩ, thông qua giáo viên hướng dẫn và Tổ trưởng Tổ bộ môn, được sự xác nhận của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo.

- Tiểu luận tổng quan là công trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Trong tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong nước và nước ngoài liên quan đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết, xác định rõ phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của luận án

- Nội dung Tiểu luận tổng quan gồm: Tổng hợp những nghiên cứu về lý thuyết (kinh điển, mới) đã được công bố và ứng dụng vào thực tiễn liên quan tới đề tài luận án; đánh giá và rút ra những mặt ưu điểm, hạn chế về lý thuyết, những khoảng trống của tri thức trong lý thuyết so với thực tiễn cần được nghiên cứu để bổ sung vào lý thuyết; những hạn chế về phương pháp tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học; đề xuất ý tưởng mới thông qua xác định mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu phù hợp cần áp dụng để nghiên cứu đề tài luận án.

- Hình thức trình bày: theo hình thức báo cáo khoa học, có số lượng khoảng 30 trang, trong đó có: Trang bìa, mục lục, mở đầu, các nội dung nghiên

cứu, tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có); định dạng văn bản và cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, đồ thị....tuân thủ theo quy định về trình bày của luận án tiến sĩ.

- Kết quả nghiên cứu Tiểu luận tổng quan được trình bày trước Tiểu ban đánh giá do Viện trưởng thành lập.

c) Trình tự đánh giá chuyên đề và tiểu luận tổng quan

- Tiểu ban đánh giá chuyên đề và tiểu luận tổng quan tuyên bố lý do và nội dung cần đánh giá;

- Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu chuyên đề;

- Thành viên phản biện đọc bản nhận xét kết quả nghiên cứu chuyên đề của nghiên cứu sinh;

- Các thành viên khác trong Tiểu ban và đại biểu tham dự thảo luận và đặt câu hỏi để nghiên cứu sinh trả lời, làm rõ những nội dung đã nghiên cứu của từng chuyên đề và tiểu luận tổng quan;

- Căn cứ chất lượng trình bày chuyên đề, năng lực trả lời câu hỏi của nghiên cứu sinh, từng thành viên Tiểu ban đánh giá chuyên đề cho điểm từng chuyên đề và tiểu luận tổng quan theo thang điểm 10

d) Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan phải hoàn thành trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

đ) Đề tài luận án và người hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh được Tổ bộ môn chuyên ngành đề nghị căn cứ trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển. Viện trưởng ra quyết định công nhận tên đề tài luận án và người hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh chậm nhất là 6 tháng sau khi nghiên cứu sinh nhập học.

3. Đăng kí học lại các học phần và thực hiện lại các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan:

a) Đối với các chuyên đề tiến sĩ hoặc học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ, nếu được điểm dưới 5, nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại chuyên đề hoặc đăng kí học lại học phần đó. Đối với học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ, nếu được điểm dưới 5, nghiên cứu sinh đăng kí học lại học phần đó hoặc đăng kí học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

b) Điểm đạt yêu cầu tối thiểu và việc đăng ký học lại hoặc cải thiện điểm đối với các học phần bổ sung có trong chương trình thạc sĩ của cơ sở đào tạo được Viện gửi nghiên cứu sinh đến học.

c) Đối với tiểu luận tổng quan nếu được điểm dưới 5, nghiên cứu sinh phải thực hiện lại tổng quan và bảo vệ lại tiểu luận tổng quan trước tiểu ban chuyên môn.

5. Đăng kí học phần được bảo lưu

Đối với nghiên cứu sinh đã kết thúc và có điểm các học phần, nghiên cứu sinh chuyển đơn vị đào tạo, nghiên cứu sinh nghỉ học tạm thời hoặc dừng, thôi học, Viện trưởng quyết định những học phần được bảo lưu. Điểm các học phần được bảo lưu phải xác định trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập chương trình mới. Trong thời hạn đăng kí học phần, nghiên cứu sinh chỉ cần đăng kí khối lượng học tập những học phần không được bảo lưu trong chương trình đào tạo.

6. Kết quả đăng kí học phần, chuyên đề tiến sĩ

Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo thông báo kết quả đăng kí học phần, chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đã hoàn thành việc đăng kí theo quy định.

Kết quả đăng kí học phần, chuyên đề tiến sĩ chỉ được chấp thuận sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành các khoản đóng góp kinh phí theo quy định.

7. Thời hạn bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm (60 tháng) tính từ ngày thi kết thúc học phần, đánh giá chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan.

Điều 23. Thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

1. Điểm đánh giá học phần là điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần.

2. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần do giảng viên phụ trách học phần phối hợp với Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo đảm nhiệm theo quy định của Viện trưởng.

3. Điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0,5.

Nghiên cứu sinh không dự thi kết thúc học phần mà không có lí do chính đáng sẽ nhận điểm không (điểm 0). Học phần ở trình độ tiến sĩ đạt yêu cầu khi đạt từ điểm 5 trở lên. Nếu học phần được điểm dưới 5 thì nghiên cứu sinh phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong các lần học.

4. Điểm học phần phải được thông báo cho nghiên cứu sinh. Điểm học phần phải được ghi vào bảng điểm học tập của người học theo mẫu thống nhất do Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo quy định và phải được ghi, lưu trong sổ điểm chung của Viện.

Điều 24. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Việc đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước tiểu ban đánh giá.

2. Viện trưởng ra quyết định thành lập tiểu ban đánh giá chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh, gồm ba thành viên có học vị tối thiểu từ tiến sĩ trở lên (đủ 36 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận học vị tiến sĩ) và hiểu biết sâu về chuyên đề và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Điểm đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên tiểu ban đánh giá được làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điều 25. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại Điều 17 của Quy chế này. Viện trưởng có thẩm quyền chấp nhận đề nghị của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn, Tổ trưởng Tổ bộ môn, Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo điều chỉnh, sửa đổi một phần tên đề tài luận án nếu không thay đổi hướng nghiên cứu. Việc thay đổi đề tài luận án (mang ý nghĩa thay đổi hướng nghiên cứu) chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và chỉ thực hiện chậm nhất trong 24 tháng kể từ khi quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn nghiên cứu sinh chỉ thực hiện trong trường hợp bất khả kháng và chậm nhất là 12 tháng trước khi hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

3. Việc chuyển đơn vị đào tạo chỉ được thực hiện khi thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

a) Nghiên cứu sinh của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có thể xin chuyển đến đơn vị đào tạo khác ngoài Viện nếu có đủ các điều kiện sau:

- Chuyên ngành nghiên cứu sinh đang học đúng với chuyên ngành xin chuyển đến;

- Có lý do chính đáng;

- Được đơn vị đào tạo xin chuyển đi và chuyển đến đồng ý.
- Việc chấp nhận hay không chấp nhận kết quả học tập đã tích lũy do đơn vị đào tạo mà nghiên cứu sinh chuyển đến quyết định.

b) Nghiên cứu sinh đang học tại một đơn vị đào tạo ngoài Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được chuyển về học tại Viện nếu có đủ các điều kiện sau:

- Chuyên ngành nghiên cứu sinh đang học đúng với chuyên ngành xin chuyển đến;
- Nghiên cứu sinh có nguyện vọng chuyển về học tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Có tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỉ luật tốt, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian thi hành kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;
- Có giảng viên cơ hữu đủ tiêu chuẩn hướng dẫn nghiên cứu sinh của đơn vị chuyển đến đồng ý hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh;
- Được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị xin chuyển đi và chuyển đến;
- Được kiểm tra kiến thức, năng lực nghiên cứu, năng lực ngoại ngữ (nếu cần thiết) để có thể đáp ứng yêu cầu của đơn vị đào tạo tiếp nhận nghiên cứu sinh.

Trường hợp đáp ứng các điều kiện, Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

c) Nghiên cứu sinh là người Việt Nam đang học tại một đơn vị đào tạo ở nước ngoài đã được kiểm định chất lượng và có uy tín có thể được xét để chuyển về học tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương khi có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 25 và nộp đầy đủ hồ sơ khi làm thủ tục chuyển đơn vị đào tạo. Các điều kiện về trình độ ngoại ngữ liên quan áp dụng như quy định về tuyển sinh của Quy chế này.

d) Nghiên cứu sinh chuyển đơn vị đào tạo được bảo lưu điểm và số tín chỉ của học phần theo quy định tại Khoản 7, Điều 22 của Quy chế này.

4. Nghiên cứu sinh được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với nghiên cứu sinh đã học tối thiểu một năm tại Viện và không bị kỷ luật.

Tổng thời gian đào tạo, thời gian nghỉ học tạm thời và thời gian kéo dài (nếu có) không được vượt qua tổng thời gian đào tạo chuẩn và thời gian đào tạo kéo dài tối đa được quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 19, Quy chế này. Thời gian nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ thai sản không tính trong tổng thời gian này.

Hết tổng thời gian đào tạo chuẩn và thời gian kéo dài (nếu có) như quy định tại Điều 19, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ thông qua bao gồm cả việc cho phép bảo vệ lại luận án theo quy định tại khoản 6 Điều 30 của Quy chế này, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

5. Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định, thì chậm nhất 01 tháng trước khi hết hạn phải có đơn xin phép kéo dài thời gian đào tạo, có ý kiến của cơ quan cử đi học (nếu có) và được người hướng dẫn đồng ý. Việc kéo dài thời gian đào tạo chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và đảm bảo trong thời gian kéo dài nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Trong thời gian kéo dài, nghiên cứu sinh phải đóng học phí theo quy định của Viện.

6. Sau khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian kéo dài nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả học tập, nghiên cứu và thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại Viện.

7. Nghiên cứu sinh được thôi học nếu có đơn xin thôi học và được Viện trưởng đồng ý.

Chương V

LUẬN ÁN VÀ ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Điều 26. Yêu cầu đối với luận án

Luận án tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

b) Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

c) Cấu trúc của luận án tiến sĩ phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:

- Mở đầu: Xác định và luận giải rõ lý do lựa chọn đề tài; mục đích, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của việc nghiên cứu đề tài; giới thiệu tóm tắt kết cấu luận án.

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những khoảng trống tri thức và vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu;

- Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá những đề xuất giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn;

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.

- Danh mục các công trình/bài báo đã công bố kết quả nghiên cứu đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

- Văn bản đồng ý của đồng tác giả (nếu sử dụng kết quả của các công trình có đồng tác giả phục vụ xây dựng, hoàn thiện luận án);

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của Viện;

- Phụ lục (nếu có).

- Hình thức và cách thức trình bày luận án được quy định cụ thể tại phụ lục 5 của Quy chế này.

d) Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ: Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án sử dụng nội dung công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh đóng góp một phần (đồng tác giả) thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

e) Yêu cầu về công bố khoa học: Đáp ứng yêu cầu tối thiểu về công bố theo chuẩn đầu ra tại điểm a) , Khoản 3, Điều 18 của Quy chế này.

g) Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13,5 và không quá 200 trang A4, không kể phụ

lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

h) Bản tóm tắt luận án bằng tiếng Việt, trình bày không quá 32 trang in trên hai mặt, giấy khổ 140x210, phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin về những điểm mới của luận án khoảng 1 đến 2 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án;

Điều 27. Quy trình đánh giá luận án

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được đánh giá theo quy trình sau:

1. Đánh giá luận án ở Tổ bộ môn;
2. Phản biện độc lập luận án;
3. Đánh giá luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 28. Đánh giá luận án ở Tổ bộ môn

Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo phối hợp với các Tổ bộ môn tổ chức đánh giá luận án ở Tổ bộ môn theo hình thức sinh hoạt khoa học, được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

1. Nghiên cứu sinh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau để được đánh giá luận án ở Tổ bộ môn:

a) Đã hoàn thành đầy đủ các học phần, các chuyên đề theo yêu cầu của chương trình đào tạo tiến sĩ theo quy định tại Điều 17, Điều 23 và Điều 24 của Quy chế này;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 bài báo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện

c) Đã hoàn thành luận án đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 26 của Quy chế này;

d) Được cá nhân hoặc tập thể người hướng dẫn nghiên cứu sinh khẳng định chất lượng luận án và đề nghị cho nghiên cứu sinh được đánh giá luận án ở Tổ bộ môn;

e) Không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

2. Tổ chức sinh hoạt khoa học (seminar) đánh giá tổng thể luận án

a) Sau khi nghiên cứu sinh đã đáp ứng các yêu cầu ở Khoản 1 Điều này, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo phối hợp với Tổ bộ môn tổ chức sinh hoạt khoa học (dưới đây gọi tắt là seminar) để đánh giá luận án và lấy ý kiến rộng rãi các nhà khoa học cho luận án. Nghiên cứu sinh phải trình luận án và trình bày toàn bộ kết quả của luận án tại seminar này. Chủ trì và Thư ký seminar do Tổ trưởng Tổ bộ môn chỉ định với sự tham dự của đại diện Tổ bộ môn và đại diện Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo. Thành phần seminar phải có tối thiểu 5 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh ở trong và ngoài cơ sở đào tạo và đáp ứng các tiêu chí như ở Khoản 2, Điều 35 để đóng góp ý kiến cho luận án của nghiên cứu sinh. Các ý kiến này cũng như giải đáp, tiếp thu của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn phải được ghi đầy đủ trong biên bản, được Tổ bộ môn và Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo xác nhận.

b) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và người hướng dẫn tiếp thu và chỉnh sửa luận án theo góp ý của seminar, kèm theo bản giải trình các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án, biên bản buổi seminar đánh giá tổng thể luận án và bản nhận xét luận án của tối thiểu 5 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ (đủ 36 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ), đã tham dự seminar tổng thể (trong đó tối thiểu phải có 3 người không là cán bộ cơ hữu của Viện) có ý kiến đồng ý đưa luận án ra đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện, có xác nhận của Tổ trưởng Tổ bộ môn để Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo trình Viện trưởng tiếp tục quy trình đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Nếu luận án không đạt yêu cầu trên, nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án và Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có thể phối hợp với Tổ bộ môn tổ chức đánh giá lại luận án tại seminar của Tổ bộ môn cho nghiên cứu sinh. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá luận án lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh;

trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

c. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Điều 29. Phản biện độc lập luận án

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá và các góp ý của seminar đánh giá tổng thể luận án ở Tổ bộ môn, nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án và Tổ bộ môn chuyển biên bản, luận án hoàn thiện và tóm tắt luận án về Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo để tiến hành lấy ý kiến của các phản biện độc lập thẩm định chất lượng luận án và chuẩn bị các thủ tục để thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

2. Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo mời hai người phản biện độc lập luận án. Phản biện độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn như thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện được quy định tại điểm b) khoản 2 Điều 36 Quy chế này, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

- Thuộc 2 cơ quan công tác khác nhau ngoài Viện. Với người đã nghỉ hưu, cơ quan công tác được tính là đơn vị ban hành Quyết định cho nghỉ hưu.

- Không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

- Không cùng cơ quan công tác với người hướng dẫn nghiên cứu sinh;

- Không cùng cơ quan công tác với nghiên cứu sinh;

- Không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Ý kiến của phản biện độc lập có giá trị tư vấn cho Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xem xét, quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

3. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, đơn vị thụ lý hồ sơ đánh giá luận án có trách nhiệm bảo mật thông tin của phản biện độc lập. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn nghiên cứu sinh không được tìm hiểu, tiếp xúc hoặc trao đổi với phản biện độc lập dưới bất kì hình thức nào.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

5. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc luận án, các công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp, đặc biệt đóng góp mới của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, những điểm sai hoặc cần sửa chữa của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự phù hợp của nội dung luận án với tên đề tài luận án; sự không trùng lặp của đề tài, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án với các đề tài, luận án, luận văn, công trình khoa học khác; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về nội dung, chất lượng những công trình đã công bố; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án (nếu có).

Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến ở 1 trong 3 mức: đồng ý, đồng ý nhưng yêu cầu sửa chữa, bổ sung hoặc không đồng ý để luận án được đưa ra Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện. Trong trường hợp ở mức đồng ý nhưng có yêu cầu sửa chữa bổ sung, nghiên cứu sinh cần tiếp thu và sửa chữa, hoặc bảo lưu và giải trình, nhưng không cần gửi lại cho người phản biện để lấy ý kiến đồng ý hay không đồng ý, phải được giải trình bằng văn bản để lưu hồ sơ và trình bày công khai trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Hội đồng xem xét nội dung đó để đánh giá.

Phản biện độc lập bảo mật thông tin về việc nhận xét luận án và không tiếp xúc với nghiên cứu sinh hay người hướng dẫn. Mọi yêu cầu của phản biện độc lập và giải trình của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đều phải thông qua Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo thụ lý hồ sơ đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

Phản biện độc lập gửi nhận xét luận án trong thời hạn theo thư mời của Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Sau hai tháng kể từ ngày hết hạn không nhận được bản nhận xét luận án, Giám đốc Trung tâm có thể mời phản biện độc lập khác thay thế.

6. Xử lý kết quả phản biện độc lập luận án

a) Trường hợp cả 02 phản biện độc lập tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

b) Nếu một trong hai phản biện độc lập không đồng ý cho luận án được đưa ra Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, luận án phải được gửi đến phản biện

độc lập thứ ba. Trường hợp phản biện độc lập thứ ba tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

c) Nếu cả hai phản biện độc lập không tán thành luận án, hoặc phản biện độc lập thứ ba (trong trường hợp luận án phải xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba) không tán thành, luận án bị trả về Tổ bộ môn để nghiên cứu sinh chỉnh sửa và Tổ bộ môn phải tổ chức lại seminar đánh giá tổng thể luận án như quy định tại Điều 28 của Quy chế này. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị tổ chức seminar đánh giá tổng thể luận án sớm nhất sau ba tháng kể từ ngày luận án có quyết định được trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được gửi lại để xin ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu không tán thành luận án.

d) Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo sẽ gửi nhận xét của từng phản biện độc lập (bản không có tên người phản biện) cho nghiên cứu sinh để yêu cầu nghiên cứu sinh tiếp thu sửa chữa theo các ý kiến đóng góp của phản biện độc lập hoặc giải thích nhằm bảo lưu quan điểm của mình.

Sau khi luận án được các phản biện độc lập tán thành và đã được sửa/bổ sung/và hoàn thiện (có xác nhận của giáo viên hướng dẫn và Tổ trưởng Tổ bộ môn), Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo làm thủ tục thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 30. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện

1. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tập hợp hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Viện (bao gồm cả đề nghị của Tổ bộ môn); báo cáo Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án và ủy quyền cho Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh, trình hồ sơ đề nghị Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2. Điều kiện và hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

a) Nghiên cứu sinh và luận án đã đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chí được quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Quy chế này;

b) Toàn văn luận án (hoàn chỉnh đã sửa đổi hoặc cập nhật được người hướng dẫn độc lập hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh xác nhận tại trang bìa 2 của luận án); tóm tắt luận án;

c) Có trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Có đề nghị bằng văn bản của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và Tổ bộ môn cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

đ) Có các công bố khoa học liên quan đến kết quả nghiên cứu đề tài luận án đáp ứng chuẩn đầu ra; văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu sử dụng kết quả của các công trình có đồng tác giả phục vụ xây dựng, hoàn thiện luận án);

e) Có đầy đủ điểm của các học phần trình độ tiến sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan;

g) Có đầy đủ minh chứng những thay đổi trong quá trình thực hiện luận án (nếu có);

h) Có đầy đủ nhận xét của các phản biện độc lập và bản giải trình tiếp thu, sửa chữa của nghiên cứu sinh (trường hợp phản biện độc lập yêu cầu sửa chữa, bổ sung hoàn thiện luận án), và nội dung này được công bố công khai trong phiên họp của Hội đồng.

i) Minh chứng hoàn thành nghĩa vụ tài chính;

k) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

3. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

a) Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm 7 thành viên, trong đó số thành viên thuộc Viện không quá 3 người, số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở Tổ bộ môn không quá 3 người, số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 5 người;

b) Thành viên Hội đồng là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ ngành đúng/gần hoặc phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học phải có tối thiểu 3 năm (36 tháng) hoạt động chuyên môn kể từ khi có Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ tính đến thời điểm được mời tham gia Hội đồng; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án.

c) Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 03 Phản biện và các Ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng ngành/chuyên ngành với đề tài luận án.

Thành viên hội đồng phải là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn nghiên cứu sinh;

d) Người Phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn như thành viên Hội đồng, các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó, đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Có tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc 01 chương sách được xuất bản bằng tiếng nước ngoài của các nhà xuất bản có uy tín của nước ngoài hoặc 01 báo cáo được xuất bản bằng tiếng nước ngoài trên kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế có phản biện, có mã số chuẩn ISBN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng.

- Công tác ở các cơ quan, đơn vị khác nhau, trong đó có ít nhất 1 phản biện không trùng với người đã được chọn làm phản biện độc lập luận án.

- Không cùng cơ quan công tác với nghiên cứu sinh và không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh;

- Không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án;

- Không sinh hoạt trong cùng Tổ bộ môn với nghiên cứu sinh;

- Không là cán bộ của Viện

- Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án

a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án và bản nhận xét của các phản biện độc lập và bản giải trình tiếp thu, sửa chữa của nghiên cứu sinh được gửi đến các thành viên Hội đồng tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án.

b) Từng thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án và các ý kiến, nội dung giải trình tiếp thu, sửa chữa của nghiên cứu sinh về nhận xét của phản biện độc lập bằng văn bản gửi đến Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chậm nhất là 10 ngày làm việc trước ngày Họp hội đồng đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

c) Thời gian, địa điểm tổ chức bảo vệ luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện tối thiểu 20 ngày trước ngày Hội đồng đánh giá luận án, trừ những luận án được phép bảo vệ mật theo quy định tại Điều 31 của Quy chế này.

d) Không có khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận án trước phiên họp của Hội đồng.

e) Hội đồng đánh giá luận án không họp nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a) hoặc b) hoặc c) hoặc d) của Khoản 3 Điều này;

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký Hội đồng;

- Vắng mặt Phản biện có ý kiến không tán thành luận án;

- Vắng mặt từ 02 thành viên Hội đồng trở lên;

- Nghiên cứu sinh đang trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Có 02 thành viên Hội đồng không tán thành luận án (thể hiện trong Bản nhận xét đánh giá luận án khi khẳng định luận án chưa đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức của một luận án tiến sĩ kinh tế theo chuyên ngành đào tạo). Trường hợp này, luận án được xem là không được Hội đồng đánh giá thông qua, không cần tổ chức bảo vệ luận án.

5. Tổ chức đánh giá luận án

a) Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo trực tiếp thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án. Nghiên cứu sinh không tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án, không tiếp xúc với các thành viên Hội đồng trước khi bảo vệ luận án;

b) Luận án được tổ chức bảo vệ công khai. (trừ trường hợp những đề tài liên quan đến bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 31 của Quy chế này). Mỗi thành viên Hội đồng có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về luận án trước khi đánh giá; ý kiến của phản biện độc lập và giải trình của nghiên cứu sinh phải được trình bày công khai trước Hội đồng để Hội đồng xem xét, đánh giá.

c) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu theo hai mức: “Tán thành” hay “Không tán thành” (*Phụ lục V*). Luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng đánh giá có mặt tại buổi bảo vệ bỏ phiếu “Không tán thành”;

d) Hội đồng thông qua quyết nghị về luận án. Quyết nghị của Hội đồng phải nêu được các vấn đề sau: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; tính hiện đại, hợp lý và độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu; kết quả và đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có); Kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ về chuyên ngành đào tạo cho nghiên cứu sinh;

e) Biên bản buổi bảo vệ luận án được toàn thể Hội đồng đánh giá luận án thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

g) Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi đã hoàn thành việc đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được phiên họp đánh giá luận án. Trong trường hợp Hội đồng đánh giá luận án quá 3 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được phiên họp đánh giá luận án, Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần 2; Tổ bộ môn đề nghị Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo trình Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần 2.

h) Không ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần thứ ba.

5. Việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án trong trường hợp cần thiết, có lý do chính đáng do Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quyết định và thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 1 Điều này được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

6. Bảo vệ lại luận án

a) Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án để bảo vệ lần thứ hai. Lần bảo vệ thứ hai sớm nhất là sau 6 tháng và muộn nhất trong 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, và không vượt quá tổng thời gian đào tạo chuẩn và thời gian kéo dài tối đa được quy định tại Điều 25 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị bảo vệ lại luận án, ngoài các nội dung như lần bảo vệ thứ nhất, phải có thêm bản tường trình về quá trình bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện

luận án của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn và đề nghị bằng văn bản của Tổ bộ môn cho nghiên cứu sinh được bảo vệ lần thứ hai;

c) Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai gồm toàn bộ thành viên Hội đồng lần thứ nhất. Kinh phí bảo vệ lần thứ hai do nghiên cứu sinh tự túc. Không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

Điều 31. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phải xác định tính chất mật của đề tài sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Luận án là công trình khoa học thuộc bí mật quốc gia sẽ được tổ chức đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật. Việc xem xét cho phép luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật được tiến hành trước khi tổ chức seminar đánh giá tổng thể luận án ở Tổ bộ môn. Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có văn bản trình bày những lý do phải bảo vệ mật để Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xem xét quyết định.

3. Hồ sơ đề nghị cho phép đánh giá luận án theo chế độ mật gồm có:

a) Công văn đề nghị của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo;

b) Công văn đề nghị của cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án; Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý xác định tính chất mật của đề tài luận án theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Dự kiến danh sách thành viên tham gia seminar đánh giá luận án ở Tổ bộ môn và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; danh sách những cán bộ ngoài Hội đồng được mời tham dự; danh sách những cơ quan, đơn vị và những cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án (kể cả những đơn vị và những cá nhân có trách nhiệm thuộc Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương). Những danh sách này phải được các cơ quan có liên quan đến việc bảo mật thẩm định và đề nghị.

4. Sau khi có văn bản của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cho phép luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo thông báo cho nghiên cứu sinh và người hướng dẫn biết. Số lượng bản thảo luận án, tóm tắt luận án cũng như các bản luận án, tóm tắt luận án chính thức phải được xác định. Các tài liệu trên phải đóng dấu mật.

5. Chỉ gửi luận án và tóm tắt luận án cho những cơ quan, đơn vị và những cá nhân trong danh sách đã được ấn định. Toàn bộ hồ sơ buổi bảo vệ mật được quản lý theo Quy chế bảo mật của Nhà nước.

6. Trình tự buổi bảo vệ luận án theo chế độ mật được tiến hành như bảo vệ luận án theo chế độ công khai. Thời gian, địa điểm bảo vệ chỉ được thông báo cho những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết, không đăng báo công khai.

7. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được miễn công bố bài báo theo quy định tại điểm a) Khoản 3, Điều 18 và điểm b, khoản 1 Điều 28 của Quy chế này.

8. Ngoài các quy định trên đây, nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

Điều 32. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Vào ngày làm việc cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

- Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy chế này;

- Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh;

- Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện của nghiên cứu sinh;

- Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

- Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh;
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp theo các quy định tại Quy chế này.

4. Thẩm định chất lượng luận án

a) Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

- Luận án đã được xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và đơn vị đào tạo;
- Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và đơn vị đào tạo;
- Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

b) Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu như ở điểm b), Khoản 3, Điều 30, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực.

c) Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến thẩm định tán thành. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có 2 ý kiến thẩm định trở lên không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án và uỷ nhiệm Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát trực tiếp của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Hội đồng thẩm định luận án

- Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án tại Tổ bộ môn, không là phản biện độc lập hoặc trong Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của luận án được thẩm định; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án (theo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này).

- Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện được quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 30 Quy chế này. Người hướng dẫn luận án không tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

- Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ theo chuyên ngành đào tạo.

- Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có); nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành, bỏ phiếu đánh giá luận án ở mức “Không tán thành”.

e) Trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

Viện trưởng tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án với Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, Phản biện, Thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

Viện trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành (bỏ phiếu đánh giá ở mức “Không tán thành”). Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

5. Xử lý kết quả thẩm định

a) Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa, trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, nghiên cứu sinh cùng với người hướng dẫn nghiên cứu sinh xem xét chỉnh sửa chi tiết các nội dung luận án theo yêu cầu của người/Hội đồng thẩm định và có bản hiệu đính ghi rõ những nội dung đã được chỉnh sửa (hoặc những nội dung bảo lưu ý kiến) và chỉ rõ số trang tương ứng báo cáo Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, kèm theo luận án đã chỉnh sửa và bản hiệu đính có chữ ký của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và xác nhận của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo; đồng thời nộp lại bản luận án đã chỉnh sửa, hiệu đính kèm công văn của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo gửi cho các thư viện để thay thế cho bản luận án đã nộp lưu chiểu (với các trường hợp đã gửi luận án cho các thư viện).

b) Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

- Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị được đánh giá lại luận án theo quy định tại khoản 6, Điều 30 của Quy chế này;

- Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Quy chế này.

c) Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại khoản 5 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Chương VI

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 33. Điều kiện được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Đáp ứng chuẩn đầu ra như quy định tại Điều 18;

b) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua và tối thiểu sau 3 tháng (90) ngày. Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa chữa, bổ sung luận án/tóm tắt luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong thời hạn quy định và được người hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng và Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo xác nhận;

c) Đã nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và Trung tâm Thông tin Tư liệu, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cùng bản cứng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (bao gồm cả trang bìa) và file mềm (kể cả luận án được bảo vệ theo chế độ mật), kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó;

d) Đã công bố toàn văn luận án và tóm tắt luận án trên website của Viện và của Trung tâm Thông tin Tư liệu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

đ) Với những nghiên cứu sinh có hồ sơ/luận án thuộc diện thẩm định thì phải đạt yêu cầu thẩm định được quy định tại Điều 32, Quy chế này;

e) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, nghiên cứu sinh không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;

c) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá của tất cả các thành viên của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng tham gia đánh giá luận án tại buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam và Trung tâm Thông tin Tư liệu, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

g) Minh chứng công bố công khai ngày bảo vệ luận án (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);

h) Hồ sơ đánh giá luận án tại Tổ bộ môn.

i) Minh chứng đạt chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ;

k) Luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh có chữ ký của nghiên cứu sinh, đã sửa chữa và hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, được người hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo xác nhận;

l) Với những nghiên cứu sinh có hồ sơ/luận án thuộc diện thẩm định đạt yêu cầu phải kèm theo các nhận xét đánh giá thẩm định và thông báo kết quả thẩm định; các bổ sung, sửa chữa, giải trình (nếu có) và luận án/tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện và của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định;

m) Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

4. Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ.

5. Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật, nếu có yêu cầu, sẽ được Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cấp chứng nhận về kết quả các học phần, chuyên đề đã hoàn thành trong chương trình đào tạo.

Điều 34. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

1. Sau khi đáp ứng các yêu cầu quy định ở Điều 33, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh;

2. Viện trưởng cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh kèm theo bằng tiến sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của nghiên cứu sinh viết bằng tiếng Việt, ghi rõ tên chuyên ngành; tên học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan; số tín chỉ và điểm; tổng số tín chỉ toàn khóa; tên đề tài luận án; kết quả đánh giá luận án; danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và tập thể người hướng dẫn nghiên cứu sinh.

3. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của Viện và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập của nghiên cứu sinh.

4. Bằng Tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương do Viện trưởng ký.

5. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tổ chức lễ trao bằng tiến sĩ mỗi năm ít nhất một lần cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

Chương VII

TIÊU CHUẨN, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH

Điều 35. Yêu cầu, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên

1. Giảng viên đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc hướng dẫn nghiên cứu sinh nghiên cứu thực hiện luận án.

2. Tiêu chuẩn đối với giảng viên

Giảng viên phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau đây:

- Lí lịch bản thân rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức và tư cách tốt;
- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Đối với giảng viên giảng dạy lí thuyết các học phần, chuyên đề tiến sĩ phải có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư chuyên môn phù hợp với các học phần, chuyên đề đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên, là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo/báo cáo phù hợp với nội dung của chuyên đề hoặc học phần được đảm nhiệm giảng dạy, công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

3. Trách nhiệm của giảng viên

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Công chức, Luật Viên chức và pháp luật có liên quan; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của nghiên cứu sinh, đối xử công bằng với nghiên cứu sinh, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của nghiên cứu sinh;

b) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng đề cương học phần, trực tiếp biên soạn học liệu phục vụ dạy - học;

c) Giảng dạy, hướng dẫn các học phần, chuyên đề theo đúng kế hoạch, bảo đảm nội dung và đạt mục tiêu đã được phê duyệt;

d) Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo; tư vấn, giúp đỡ nghiên cứu sinh trong học tập, nghiên cứu, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực sáng tạo, hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm; lấy ý kiến phản hồi của nghiên cứu sinh về việc giảng dạy của mình;

đ) Nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và ứng dụng thực tiễn;

e) Đánh giá hoặc tham gia đánh giá kết quả học tập của nghiên cứu sinh;

g) Thông báo tiến độ, kết quả học tập của nghiên cứu sinh cho Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo;

h) Khai báo đầy đủ và cập nhật thường xuyên, đúng thời hạn lý lịch khoa học của cá nhân theo mẫu và quy định của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo quy định của Viện.

4. Quyền hạn của giảng viên

a) Được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

b) Được đảm bảo các điều kiện vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học; được cung cấp thông tin khoa học và công nghệ của Viện;

c) Được hưởng thù lao trong đào tạo tiến sĩ theo quy định của Nhà nước, của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

d) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả theo quy định hiện hành.

Điều 36. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của người hướng dẫn

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 30 của Quy chế này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở Tổ bộ môn và tại Hội đồng cấp viện nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 26 của Quy chế này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 37. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu sinh là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam;

2. Thực hiện nghiêm túc quy chế của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và các quy định, nội quy của đơn vị đào tạo;

3. Khai báo và cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan đến cá nhân, đến quá trình đào tạo, những thay đổi trong quá trình học tập của nghiên cứu sinh (nếu có) theo quy định của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

4. Thực hiện kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học đúng thời hạn quy định theo chương trình, kế hoạch của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo; báo cáo đầy đủ và đúng hạn về kết quả học tập, nghiên cứu, rèn luyện và các thông tin khác theo yêu cầu của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo;

5. Trung thực trong khoa học, tôn trọng quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ;

6. Không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ các thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án (như: đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; tiếp xúc để nhận các bản nhận xét luận án của thành viên Hội đồng);

7. Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; tham gia các đề tài nghiên cứu, tham dự các hội nghị, hội thảo chuyên môn,... theo yêu cầu của người hướng dẫn và kế hoạch, phân công của Tổ trưởng Tổ bộ môn.

8. Có ý thức xây dựng, gìn giữ, bảo vệ và phát huy thương hiệu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và các đơn vị trong Viện;

9. Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn minh. Tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động về chính trị, tư tưởng, đạo đức của ngành giáo dục và của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

10. Nộp đủ và đúng thời hạn các khoản kinh phí theo quy định.

Điều 38. Quyền lợi của nghiên cứu sinh

1. Được nhận vào học đúng chuyên ngành đã đăng kí dự tuyển khi trúng tuyển;

2. Được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc học tập;

3. Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong đơn vị đào tạo;

4. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của Viện để phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu đã được thông qua;

5. Được đề xuất với Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo danh sách người hướng dẫn luận án; đề nghị thay người hướng dẫn luận án nếu sau 03 tháng kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà nghiên cứu sinh không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện luận án;

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Trách nhiệm và quyền hạn của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo

1. Thực hiện trách nhiệm đơn vị đầu mối tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;
2. Hướng dẫn chi tiết cho các nội dung của Quy chế này, báo cáo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phê duyệt trước khi thi hành;
3. Xây dựng kế hoạch, đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho từng chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo; tổ chức tuyển sinh hàng năm theo sự phân công của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; đề nghị Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quyết định danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển;
4. Xây dựng/tham gia xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn học liệu, chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất và lên kế hoạch giảng dạy các chuyên ngành được giao nhiệm vụ đào tạo;
5. Tổ chức và quản lý việc thực hiện các chương trình đào tạo đã được ban hành và giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định; Tổ chức lấy ý kiến phản biện độc lập cho luận án của nghiên cứu sinh và có trách nhiệm bảo mật danh sách phản biện độc lập;
6. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh;
7. Tổ chức và tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia thực hiện các hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo theo quy định của Quy chế này;
8. Quản lý hồ sơ của nghiên cứu sinh từ lúc xét tuyển, trúng tuyển, nhập học và cập nhật thường xuyên, đầy đủ, kịp thời trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh theo quy định của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;
9. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận);
10. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn kinh phí bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo theo quy định;
11. Hợp tác nghiên cứu, đào tạo trình độ tiến sĩ với các cơ sở khoa học, đào tạo trong và ngoài nước theo đúng các quy định của Nhà nước và của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

12. Công bố công khai trên website của Viện: Các văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, tổ chức đào tạo; kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chuyên ngành đã được phép đào tạo; danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm; các đề tài luận án đang thực hiện, thông tin về luận án đã bảo vệ; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận án, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành);

13. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục theo các quy định hiện hành;

14. Theo dõi, thống kê tình hình công tác sau tốt nghiệp của các cựu nghiên cứu sinh để góp phần đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo tiến sĩ tại Viện;

15. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ, bao gồm:

a) Chế độ báo cáo:

- Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Hội đồng tuyển sinh phê duyệt kết quả trúng tuyển, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tập hợp hồ sơ để Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu báo cáo tại phụ lục số IV);

- Ngày cuối cùng làm việc trong tháng 12 hàng năm, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tổng hợp hồ sơ để Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của năm đó (theo mẫu báo cáo tại phụ lục số III)

b) Lưu trữ:

- Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDDT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục;

- Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo phải được bảo quản và lưu trữ theo quy định hiện hành của Nhà nước về lưu trữ;

- Hồ sơ tuyển sinh, quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, luận án, tóm tắt luận án, những thay đổi trong quá trình đào tạo, hồ sơ đánh giá tổng thể luận án ở Tổ bộ môn và hồ sơ của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ. Sổ gốc cấp văn

bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo;

- Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp;

- Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật thông tin và lý lịch khoa học của giảng viên. Tập hợp, lưu trữ các loại hồ sơ của nghiên cứu sinh từ lúc tuyển sinh đầu vào cho đến khi công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ của đơn vị đầy đủ, chính xác và kịp thời lên phần mềm quản lý đào tạo nghiên cứu sinh theo quy định của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

17. Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Điều 40. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ bộ môn

1. Giới thiệu nhân sự của Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh và tạo điều kiện để tiểu ban chuyên môn thực hiện nhiệm vụ;

2. Trình Viện trưởng quyết định các học phần trong chương trình đào tạo phù hợp với quy định tại Điều 18 của Quy chế này;

3. Thông qua kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn, lịch báo cáo của nghiên cứu sinh với Tổ bộ môn về kết quả học tập, nghiên cứu trong năm;

4. Tổ chức lấy ý kiến góp ý cho đề cương của nghiên cứu sinh; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, báo cáo kết quả định kỳ cho nghiên cứu sinh; phân công nhiệm vụ trợ giảng và nghiên cứu khoa học cho từng nghiên cứu sinh;

5. Phối hợp với người hướng dẫn nghiên cứu sinh và Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo tổ chức cho nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động trợ giảng và hỗ trợ đào tạo;

6. Giám sát, kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch và kết quả học tập của nghiên cứu sinh; đề xuất Viện trưởng quyết định về việc tiếp tục học tập, thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, kéo dài thời gian đào tạo, chuyển đơn vị đào tạo của nghiên cứu sinh;

7. Đề xuất với Viện trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước để nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu; hướng dẫn và hỗ trợ nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu;

8. Thực hiện đánh giá tổng thể luận án tại Tổ bộ môn theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này;

Chương VIII

TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Điều 41. Nguồn tài chính cho đào tạo tiến sĩ

1. Nguồn tài chính cho đào tạo tiến sĩ bao gồm kinh phí do Nhà nước cấp (nếu có), học phí của nghiên cứu sinh, kinh phí của các đề tài nghiên cứu khoa học, kinh phí từ hoạt động hợp tác và chuyển giao công nghệ và các nguồn tài trợ khác (nếu có); Tất cả nghiên cứu sinh đều phải đóng học phí hàng năm theo quy định của Viện. Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo quy định cụ thể và công bố rộng rãi cho nghiên cứu sinh biết cách thức thu, nộp học phí. Các nguồn kinh phí hợp pháp dành cho công tác đào tạo do Viện trưởng quy định theo tình hình thực tế đảm bảo hiệu quả sử dụng và cân đối giữa các nguồn kinh phí.

2. Sử dụng kinh phí đào tạo

a) Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quyết định nội dung và định mức sử dụng kinh phí đào tạo của Viện dựa trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước.

b) Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ đào tạo định mức do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương quy định;

c) Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo được sử dụng một phần kinh phí phục vụ hoạt động đào tạo để duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Chương IX

THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 42. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về các vi phạm quy chế của đơn vị đào tạo, giảng viên và cán bộ quản lý.

2. Việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 43. Thanh tra, kiểm tra

1. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

3. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: Các hoạt động trong tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý đào tạo; chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; hoạt động đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, các văn bản quy định, hướng dẫn của đơn vị và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo tiến sĩ.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản đề nghị Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a) e) và g) khoản 1, Điều 26 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm c) khoản 7, Điều 32 của Quy chế này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm quy định tại điểm b, khoản 2, Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Quy định chuyển tiếp

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2018.

2. Các khóa tuyển sinh trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành: Áp dụng những quy định trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ở Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương ban hành theo Quyết định số 929/QĐ-QLKTTW ngày 20/10/2014, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 08/QĐ-QLKTTW ngày 08/01/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

3. Đối với các khóa tuyển sinh từ thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh quy định tại điểm d, Khoản 1 Điều 36 và quy định về điều kiện công bố khoa học để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở Tổ bộ môn tại điểm b, khoản 1 Điều 28 của Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

b) Nghiên cứu sinh phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

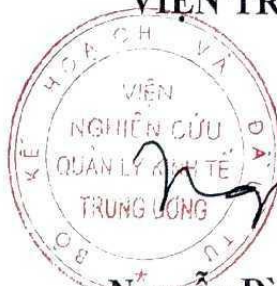
4) Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 36 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 28 của Quy chế này.

Điều 46. Tổ chức thực hiện

Trong trường hợp đặc biệt, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương bổ sung một số quy định cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế

trong quá trình triển khai thực hiện trên cơ sở của Quy chế này và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan. Sở

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Cung

Phụ lục I

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-QLKTTW ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)

Stt	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ TUYỂN SINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-QLKTTW ngày 11 tháng 4 năm 2018
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)*

**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ
KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH NĂM

Nội dung:

1. Tổng hợp đăng ký dự tuyển
2. Công tác tổ chức tuyển sinh
3. Đánh giá chung về công tác tuyển sinh và những đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Kèm theo:

Các quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục III

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HÀNG NĂM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-QLKTTW ngày 11 tháng 4 năm 2018
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)*

**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ
KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HÀNG NĂM ...

I. Tình hình tổ chức và quản lý đào tạo:

Trong báo cáo này phải có đầy đủ tối thiểu các thông tin sau:

- Số nghiên cứu sinh (NCS) đã bảo vệ trong năm (báo cáo kèm theo danh sách trích ngang của các nghiên cứu sinh đã bảo vệ);
- Số NCS tuyển mới trong năm; các ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ mở mới trong năm (nếu có);
- Tình hình tổ chức đào tạo các học phần, giao hướng dẫn NCS, bố trí kế hoạch hỗ trợ hoạt động đào tạo của đơn vị cho các NCS;
- Số NCS hiện đang học tập tại đơn vị (tổng số lượng, số NCS còn trong thời gian đào tạo, số NCS thuộc diện đang gia hạn);
- Thống kê số lượng các loại công bố của NCS tại đơn vị;
- Danh mục đầy đủ các công bố quốc tế ISI-Scopus của NCS tại đơn vị (tên đầy đủ các tác giả, tên bài báo, tên tạp chí, IF và hạng tạp chí năm gần nhất, Nhà xuất bản và mã số ISBN);
- Số lượng và tình hình tham gia của nghiên cứu sinh vào các đề tài khoa học, hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế (danh mục đề tài có đào tạo NCS, danh mục các hội nghị quốc gia, quốc tế trong năm và số lượng báo cáo của NCS của đơn vị tham gia từng hội nghị đó);
- Tình hình tham gia hoạt động chuyên môn, tham gia hỗ trợ đào tạo của nghiên cứu sinh tại đơn vị;
- Các hoạt động khác theo đặc thù đơn vị.

II. Đánh giá những kết quả nổi bật, bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị.

III. Kế hoạch chỉ tiêu tuyển mới năm 20....

(Báo cáo cụ thể kế hoạch năm tiếp theo, và lập biểu theo quy định hiện hành của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh)

IV. Báo cáo về các hướng nghiên cứu và người hướng dẫn nghiên cứu sinh cho kế hoạch tuyển mới

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực NC cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người hướng dẫn	Số lượng NCS có thể nhận

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM (phục vụ cho việc thẩm định luận án)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-QLKTTW ngày 11 tháng 4 năm 2018
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ
KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH BÁO CÁO TRÍCH NGANG NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ (Tháng năm)

Stt	Họ và tên NCS	Thông tin về NCS (QĐ công nhận NCS, ngày sinh, giới tính, nơi công tác (nếu có); ngành đào tạo và năm tốt nghịệp bậc đại học; ngành/chuyên ngành đào tạo và năm tốt nghịệp thạc sĩ; mã số ngành/chuyên ngành đào tạo tiên sĩ	Tên đề tài, tên, GVHD (chức danh khoa học và nơi công tác của GVHD)	Các bài báo/công bố của NCS (tên các tác giả, tên bài báo, tên tạp chí và số, năm xuất bản; tên hội nghị quốc gia quốc tế và địa điểm tổ chức; số ISBN và Nhà xuất bản của tạp chí và kỷ yếu; các bài quốc tế cần chỉ rõ ISI/Scopus và IF của năm gần nhất)	Ngày bảo vệ và kết quả (tỷ lệ phiếu tán thành/tổng thành viên HĐ có mặt)	Ghi chú (NCS được đặc cách bỏ qua quy trình phân biện kín, kèm theo minh chứng, và các ghi chú khác (nếu có)

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục V

Mẫu phiếu đánh giá luận án của các thành viên hội đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-QLKTTW ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)

**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ
KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hội đồng đánh giá luận án được thành lập theo Quyết định số
ngày/...../20.....của..... đã họp ngày
...../...../20..... tại..... để đánh giá
luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh:.....
với đề tài:
thuộc chuyên ngành.....

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Đánh dấu X vào 1 ô trống phù hợp với ý kiến của mình)

TÁN THÀNH ☐

KHÔNG TÁN THÀNH ☐

....., ngày..... tháng.....năm.....

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH
GIÁ LUẬN ÁN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

	Trang
QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ.....	1
TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG.....	1
Chương I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.....	1
Điều 2. Mục tiêu đào tạo.....	1
Điều 3. Cơ chế quản lý và tổ chức đào tạo trong Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương	2
Điều 4. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng	2
Chương II.....	2
Điều 5. Phương thức và thời gian tuyển sinh.....	2
Điều 6. Điều kiện dự tuyển.....	3
Điều 7. Thông báo tuyển sinh	5
Điều 8. Hội đồng tuyển sinh.....	6
Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh	7
Điều 10. Tiểu ban chuyên môn	7
Điều 11. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh	8
Điều 12. Triệu tập thí sinh trúng tuyển	9
Điều 13. Xét tuyển nghiên cứu sinh đối với người nước ngoài.....	9
Chương III	9
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
Điều 14. Chuyên ngành và chương trình đào tạo	9
Điều 15. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo.....	10
Điều 16. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo.....	10
Điều 17. Cấu trúc của chương trình đào tạo tiến sĩ	11
Điều 18. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	13
Chương IV.....	14
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO	14

Điều 19. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo.....	14
Điều 20. Tổ chức đào tạo	15
Điều 21. Tổ chức lớp học.....	16
Điều 22. Đăng kí và thực hiện học tập, nghiên cứu khoa học.....	16
Điều 23. Thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.....	19
Điều 24. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	20
Điều 25. Những thay đổi trong quá trình đào tạo	20
Chương V22	
LUẬN ÁN VÀ ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN	22
Điều 26. Yêu cầu đối với luận án	22
Điều 27. Quy trình đánh giá luận án.....	24
Điều 28. Đánh giá luận án ở Tổ bộ môn.....	24
Điều 29. Phản biện độc lập luận án	26
Điều 30. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện	28
Điều 31. Đánh giá luận án theo chế độ mật.....	33
Điều 32. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án.....	34
Chương VI.....	37
CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ.....	37
Điều 33. Điều kiện được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ	37
Điều 34. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ	39
Chương VII.....	40
TIÊU CHUẨN, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH.....	40

Điều 35. Yêu cầu, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên	40
Điều 36. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của người hướng dẫn.....	41
Điều 37. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh	43
Điều 38. Quyền lợi của nghiên cứu sinh	44
Điều 39. Trách nhiệm và quyền hạn của Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo 45	
Điều 40. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ bộ môn.....	47
Chương VIII	48
TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ	48
Điều 41. Nguồn tài chính cho đào tạo tiến sĩ.....	48
Chương IX.....	48
THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	48
Điều 42. Khiếu nại, tố cáo	48
Điều 43. Thanh tra, kiểm tra	49
Điều 44. Xử lý vi phạm	49
Chương X.....	50
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	50
Điều 45. Quy định chuyển tiếp	50
Điều 46. Tổ chức thực hiện.....	50